TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HS-ST
Ngày: 30- 3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Trường

Thẩm phán: Bà Trần Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Minh Nhiên

Bà Nguyễn Thị Nhung

Ông Nguyễn Quang Hiếu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Minh Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:*** Bà M Thị Thủy - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 09/2022/TLHS - ST ngày 20 tháng 01 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 15/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L, sinh ngày 26/6/1966 tại Hòa Bình;

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình

Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên thủ quỹ Hợp tác xã N; Tôn giáo: không.

Con ông: Nguyễn Văn T; con bà Nguyễn Thị V (đều đã chết), có chồng là: Bùi Văn T, sinh năm 1964.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/12/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Thị Oanh – Văn phòng luật sư Vũ Duy Tôn thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Bị hại:* Hợp tác xã N – có mặt

Đại diện: Bà Trần Thị L – Phó giám đốc Hợp tác xã N

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961; - có mặt

Địa chỉ: số nhà B, tổ M, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

+ Ông Nguyễn Công C, sinh năm 1960; - có mặt.

Địa chỉ: số nhà M, đường N, tổ N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hợp tác xã N được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã lần đầu ngày 30/02/1998, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 22/05/2019 do UBND thành phố Hòa Bình cấp. Hợp tác xã N hoạt động dựa trên cơ sở Luật Hợp tác xã hiện hành và điều lệ Hợp tác xã.

Nguyễn Thị L, sinh năm 1966, trú tại: tổ dân phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình là xã viên của Hợp tác xã N từ năm 1990. Đến năm 2005 được Ban quản trị Hợp tác xã N giao làm Thủ quỹ của Hợp tác xã; đến năm 2010 Hợp tác xã bầu lại Ban quản trị và Giám đốc Hợp tác xã N tiếp tục giao cho Nguyễn Thị L làm thủ quỹ của Hợp tác xã với nhiệm vụ quản lý tiền mặt thu được từ các khoản kinh doanh chính là: kinh doanh, quản lý chợ, cho thuê các điểm bán hàng, thu vé chợ, tiền gửi xe…

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến ngày 23 tháng 12 năm 2020, do cần tiền để chi tiêu, sử dụng vào mục đích cá nhân Nguyễn Thị L đã lợi dụng chức trách nhiệm vụ được giao cũng như việc kiểm tra, giám sát đối với hoạt động thu, chi tại Hợp tác xã N diễn ra lỏng kẻo, không kiểm quỹ tiền mặt thường xuyên nên đã nhiều lần lấy và chiếm đoạt số tiền là 791.114.499đ (*Bảy trăm chín mươi nốt triệu Bốn trăm mười bốn nghìn Bốn trăm chín mươi chín đồng*) từ quỹ của hợp tác

xã. Để che dấu hành vi của mình tránh sự phát hiện của Hợp tác xã, Nguyễn Thị L đã dùng thủ đoạn viết ghi chép vào sổ quỹ và cập nhật đầy đủ các chứng từ thu, chi của Hợp tác xã trùng khớp đúng với sổ theo dõi của kế toán. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào tháng 5 năm 2018 Nguyễn Thị L đã tự ý lấy 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) từ quỹ Hợp tác xã N để chi tiêu, sử dụng vào mục đích cá nhân.

Lần thứ hai: Tháng 7 năm 2018, Nguyễn Thị L đã tự ý lấy 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) từ quỹ Hợp tác xã N để chi tiêu, sử dụng vào mục đích cá nhân.

Lần thứ ba: Tháng 6 năm 2019, Nguyễn Thị L đã tự ý lấy 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) từ quỹ Hợp tác xã N để chi tiêu, sử dụng vào mục đích cá nhân.

Lần thứ tư: Tháng 9 năm 2019, Nguyễn Thị L đã tự ý lấy 75.000.000đ (*Bảy mươi năm triệu đồng*) từ quỹ Hợp tác xã N để trả tiền đã nộp vào tổ dịch vụ của Hợp tác xã.

Lần thứ năm: Vào tháng 3 năm 2020, Nguyễn Thị L đã tự ý lấy 75.000.000đ (*Bảy mươi năm triệu đồng*) từ quỹ Hợp tác xã N để trả tiền đã nộp vào tổ dịch vụ của Hợp tác xã.

Lần thứ sáu: Tháng 5 năm 2020, Nguyễn Thị L đã tự ý lấy 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) từ quỹ Hợp tác xã N để trả tiền đã nộp vào tổ dịch vụ của Hợp tác xã.

Ngoài ra Nguyễn Thị L còn nhiều lần tự ý lấy tổng số tiền là 103.414.499 đồng từ quỹ của Hợp tác xã do L trực tiếp quản lý để chi tiêu sử dụng cá nhân nhưng L không nhớ được cụ thể từng lần cũng như số tiền cụ thể của từng lần đã lấy.

Đến ngày 23/12/2020 Hợp tác xã N tiến hành kiểm quỹ tiền mặt do Nguyễn Thị L quản lý đã xác định số tiền bị thiếu hụt quỹ do L tự ý lấy tiền chi tiêu, sử dụng vào mục đích cá nhân là 753.414.499 đồng. Đồng thời giao cho bà Trần Thị Lan, là phó giám đốc HTX quản lý quỹ tiền mặt của Hợp tác xã.

Trong quá trình điều tra bị can Nguyễn Thị L còn khai nhận trong các tháng 10, 11, 12 năm 2020, Nguyễn Thị L còn thu tiền thuê kiốt của 14 tiểu thương đang hoạt động kinh doanh, buôn bán tại Chợ N là 37.700.000đ (*Ba*

mươi bảy triệu Bảy trăm nghìn đồng), nhưng Nguyễn Thị L không nhập tiền vào quỹ Hợp tác xã N mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy Nguyễn Thị L đã tự ý nhiều lần lấy và chiếm đoạt tiền từ quỹ Hợp tác xã N tổng số tiền là 791.114.499đ (*Bảy trăm chín mươi nốt triệu Bốn trăm mười bốn nghìn Bốn trăm chín mươi chín đồng*), để chi tiêu, sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Về vật chứng trong vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa Bình tiến hành thu giữ các tài liệu sổ sách, chứng từ có L quan đến hành vi chiếm đoạt số tiền 791.114.499 đồng của Nguyễn Thị L. Vật chứng trên được chuyển để xử lý theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Hợp tác xã N yêu cầu Nguyễn Thị L bồi thường khắc phục thiệt hại cho Hợp tác xã là 791.114.499đ (*Bảy trăm chín mươi mốt nghìn Một trăm mười bốn nghìn Bốn trăm chín mươi chín đồng*). Bà Nguyễn Thị M - chị gái của Nguyễn Thị L, sinh năm 1961, trú tại: tổ M, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình đã thay bị cáo Nguyễn Thị L nộp khắc phục số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*) cho Hợp tác xã N. Ông Nguyễn Công C - Tổ trưởng Tổ dịch vụ Hợp tác xã N đã nộp lại số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) cho Hợp tác xã N (là số tiền do Nguyễn Thị L đóng góp vào tổ dịch vụ). Đến nay, Nguyễn Thị L còn phải bồi thường cho Hợp tác xã N số tiền là 191.114.499đ (*Một trăm chín mươi nốt triệu một trăm mười bốn nghìn bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

Cáo trạng số 08/CT-VKS-P2 ngày 17/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội: Tham ô tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố; phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 15 năm đến 16 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại cho Hợp tác xã N.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ bào chữa nêu quan điểm: Luật sư nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo về tội Tham ô tài sản là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả; bị cáo có thân nhân là người có công với Cách mạng; bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị hại có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo đồng ý với tội danh, điều luật và hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện bị hại là Hợp tác xã N xác nhận đã nhận tiền bồi thường thiệt hại là 600.000.000 đồng và đề nghị bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại chưa bồi thường cho Hợp tác xã N. Đại diện bị hại cũng xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người liên quan, ông Nguyễn Công C khai số tiền 200.000.000 đồng mà ông nộp bồi thường cho Hợp tác xã N là số tiền của bị cáo L góp vốn vào Tổ dịch vụ của Hợp tác xã nên ông không có ý kiến gì về số tiền trên.

Người L quan, bà Nguyễn Thị M khai số tiền 400.000.000 đồng mà bà nộp bồi thường thay cho bị cáo L là số tiền của gia đình, anh chị em của bị cáo đóng góp để bồi thường thay cho bị cáo. Bà M không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên cho bà.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và quá trình thẩm tra tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra,

truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người L quan không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị L khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai của đại diện Hợp tác xã, của người L quan cũng như phù hợp với các tài liệu, sổ sách, chứng từ kế toán của Hợp tác xã cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến ngày 23/12/2020, với nhiệm vụ được giao là thủ quỹ của Hợp tác xã N, do cần tiền để chi tiêu và sử dụng vào mục đích cá nhân, bị cáo Nguyễn thị L đã lợi dụng chức trách nhiệm vụ được giao nên đã nhiều lần chiếm đoạt tiền quỹ của Hợp tác xã N với số tiền là 753.414.499 đồng; ngoài ra bị cáo L còn thu tiền thuê kiốt của 14 tiểu thương đang hoạt động kinh doanh tại Chợ N là 37.700.000đ, nhưng Nguyễn Thị L không nhập tiền vào quỹ Hợp tác xã N mà chiếm đoạt, sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị L đã chiếm đoạt của Hợp tác xã N tổng số tiền là 791.114.499 đồng để dùng vào mục đích chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị L đã phạm vào tội Tham ô tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh hòa Bình đã truy tố và lời luận tội tại phiên tòa của kiểm sát viên đối với bị cáo Nguyễn Thị L là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này, Hợp tác xã N là bị hại. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị L cũng một phần do sự quản lý, kiểm tra quỹ tiền mặt của Hợp tác xã lỏng lẻo, có nhiều sơ hở, là cơ hội để bị cáo nhiều lần chiếm đoạt tiền quỹ của Hợp tác xã. Hợp tác xã N cũng cần xem đây là bài học để rút kinh nghiệm trong công tác quản lý tài chính nhằm đảm bảo công tác quản lý tài chính được thực hiện chặt chẽ, nghiêm chỉnh theo quy định của pháp luật.

[3] *Xét tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo*:

Bị cáo Nguyễn Thị L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo chiếm đoạt một số tiền lớn của Hợp tác xã N để sử dụng cho mục đích cá nhân của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sự hoạt động đúng đắn của tổ chức, của hợp tác xã, đồng thời xâm phạm vào sở hữu tài sản của hợp tác xã; hành vi này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của tổ chức, gây mất lòng tin đối với những thành viên trong tổ chức, ảnh hưởng xấu trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải có một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đã lợi dụng chức vụ là thủ quỹ của Hợp tác xã để chiếm đoạt tiền do mình quản lý, do vậy, cần thiết phải cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ về thủ quỹ trong một thời gian, kể từ khi chấp hành xong bản án theo quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:*

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội có một tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện tích cực bồi thường khắc phục hậu quả; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình khó khăn, neo đơn, hai vợ chồng không có con cái, bố mẹ chồng già yếu, chồng bị cáo bị tai nạn, thường xuyên ốm đau, bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị hại là Hợp tác xã N và đại diện các tổ chức Hợp tác xã N có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, được Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

Bào chữa của luật sư tại phiên tòa đưa ra các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất được Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình áp dụng hình phạt cho bị cáo.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự:*

Bị cáo chiếm đoạt số tiền 791.114.499 đồng của Hợp tác xã N. Bị cáo đã bồi thường được 600.000.000 đồng. Đại diện Hợp tác xã N yêu cầu bị cáo phải bồi hường nốt số tiền còn lại cho Hợp tác xã N là 191.114.499 đồng. Do vậy, cần buộc bị cáo bồi thường số tiền 191.114.499 đồng cho Hợp tác xã N.

[6] *Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị M là chị gái của bị cáo L, là người thay bị cáo bồi thường tiền 400.000.000 đồng cho Hợp tác xã N. Bà M cho rằng số tiền mà bà nộp bồi thường thay cho bị cáo L là số tiền của gia đình, anh chị em của bị cáo đóng góp để bồi thường thay cho bị cáo. Bà M và gia đình không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên cho bà, do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Ông Nguyễn Công C là người nộp số tiền 200.000.000 đồng bồi thường cho Hợp tác xã. Ông C khai đó là số tiền của bị cáo L khai lấy từ tiền quỹ của Hợp tác xã để góp vốn vào Tổ dịch vụ của Hợp tác xã, nay ông rút số tiền góp vốn của bị cáo ra để bồi thường cho Hợp tác xã, nên ông không có ý kiến gì về số tiền trên. Bị cáo L cũng khai nhận số tiền trên là do bị cáo lấy từ quỹ của Hợp tác xã để góp vốn. Do vậy, việc ông Chính trả lại số tiền 200.000.000 đồng để bồi thường cho Hợp tác xã là đúng quy định của pháp luật.

[7] *Đối với các cá nhân khác của Hợp tác xã:*

Ông Nguyễn Văn K – nguyên giám đốc, nguyên Chủ tịch HĐQT Hợp tác xã N; bà Trần Thị L - phó giám đóc Hợp tác xã N; bà Trần Thị Thu - phó giám đóc Hợp tác xã N; ông Phạm Văn C - Trưởng ban kiểm soát Hợp tác xã N; bà Nguyễn Thị L1 - kế toán Hợp tác xã N. Các cá nhân này không được bàn bạc, thống nhất, trao đổi cũng như không nhận được bất kỳ lợi ích vật chất nào từ hành vi chiếm đoạt tiền của Hợp tác xã của bị cáo Nguyễn Thị L. Quá trình điều tra không chứng minh được những người này đồng phạm với Nguyễn Thị L. Do đó cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội: Tham ô tài sản

2. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L **15** (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2020.

Cấm bị cáo Nguyễn Thị L đảm nhận chức vụ thủ quỹ trong thời hạn **02** (hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong bản án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải bồi thường cho Hợp tác xã N số tiền là: 191.114.499 *(một trăm chín mươi mốt triệu, một trăm mười bốn nghìn, bốn trăm chín mươi chín)* đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 9.555.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hòa Bình;
- CQ cảnh sát điều tra CA tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Trường